

Bản án số:29/2018/HNGĐ-ST

NHÂN DANH

Ngày: 16/10/2018

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG TỈNH BẮC NINH**

V/v: Ly hôn

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vinh*
- *Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Tiến
2. Ông Nghiên Đình Chế*
- *Th ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Tạ Thị Bích Ngọc*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà: Bà Lưu Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 16/10/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 132/TLST-HNGĐ, ngày 28/8/2018 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐST-DS, ngày 02/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1975 - Có mặt

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 - Xin xét xử vắng mặt

Đều ĐKNKTT: Thôn Ô , xã Đ, huyện Y, Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - Anh T trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H vào năm 1996, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong khi anh đang đi xuất khẩu lao động, ở nhà chị H đã cắt đứt liên lạc với anh. Năm 2014, khi anh về nước thì mới biết chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Anh không biết cụ thể người đó là ai nhưng đã từng đọc rất nhiều tin nhắn gửi tới chị H thể hiện tình cảm giữa chị H và người đàn ông đó. Về kinh tế, chị H vay mượn bạn bè anh nhưng không trả nợ làm anh xấu hổ với bạn bè. Từ khi về quê vào năm 2015 (ở thôn Ô, xã Đ) sinh sống đến nay, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trương Văn L, sinh ngày 27/8/1996 và Trương Văn Q, sinh ngày 20/01/2001. Cháu L đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết, còn cháu Q, anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng, phí tổn nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - Chị H trình bày: Chị đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị không lên Tòa án làm việc. Tại biên bản ghi lời khai của chị H tại nhà chị vào ngày 25/9/2018, chị đã khai thể hiện: Về thời gian kết hôn và chung sống như anh T trình bày là đúng. Theo chị, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, có con riêng với cô ta. Từ đó, anh T về nhà lấy cớ sinh sự, gây gổ, chửi bới chị. Chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2016 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn, chị không đồng ý vì chị không muốn các con sống thiếu bố hoặc thiếu mẹ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như anh T trình bày là đúng. Nếu ly hôn, chị xin nuôi cháu Q, không yêu cầu anh T đóng góp phí tổn nuôi con. Cháu L đã trưởng thành nên không đề cập nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và xin nuôi cháu Q, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Chị H được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng đề nghị xét xử vắng mặt.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Trương Văn T, cho anh T được ly hôn chị H. Về con chung: Cháu L đã trưởng thành nên không đề cập nuôi dưỡng, giao cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, phí tổn nuôi con không đặt ra. Về tài sản chung và các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị H do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn vào năm 1996, việc kết hôn dựa trên sự tự nguyện có đăng ký kết hôn và tuân thủ đầy đủ điều kiện kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và lời khai của bị đơn thì thấy: Đến nay cả hai bên đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu nên anh T xin ly hôn, còn chị H không đồng ý vì muốn các con sống có đầy đủ bố, mẹ. Theo quy định của pháp luật thì quan hệ hôn nhân muốn được duy trì thì vợ chồng phải tự nguyện chung sống hạnh phúc cùng nhau. Lý do chị H đưa ra để không đồng ý ly hôn là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được.

Do vậy, đơn xin ly hôn của anh T là có căn cứ được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trương Văn L, sinh ngày 27/8/1996 và Trương Văn Q, sinh ngày 20/01/2001. Hiện cháu L đã trưởng thành nên không đề cập nuôi dưỡng. Cháu Q vẫn đang ở với cả bố và mẹ. Tại phiên tòa anh T xin nuôi con, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu. Chị H xin nuôi con nhưng không có mặt tại phiên. Do vậy, cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị H, HĐXX không xem xét do các bên đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí LHST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Trương Văn T. Cho anh Trương Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Giao con chung Trương Văn Q, sinh ngày 20/01/2001 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Phí tổn nuôi con không đặt ra. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ và các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị H do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Buộc anh T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0003882 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong. Anh T được khấu trừ vào tiền án phí mà chị phải nộp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh.
- VKSND huyện
- Thi hành án
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa